**Người xưa dạy trẻ - Sơ học chỉ Nam giáo dục Ngữ văn ở Việt Nam**

**Tử Quang**

**1. Mở đầu**

Nội dung của văn bản Sơ học chỉ nam (SHCN) đã được một số nhà nghiên cứu tiền bối nhắc đến trong một số chuyên luận. Như những sách hay bài viết về Nguyễn Huy Oánh đã xem SHCN như một công trình do Nguyễn Huy Oánh biên soạn. Trên cơ sở kế thừa kết quả thông qua việc khảo cứu, dịch chú tác phẩm, chúng tôi muốn cung cấp những thông tin chi tiết và nội dung đầy đủ của tác phẩm, để từ đó đưa ra một số nhận xét đánh giá về giáo dục ngữ văn ở Việt Nam trong quá khứ.

**2. SHCN: Một số vấn đề về văn bản học, nội dung và giá trị văn bản**

***2.1. Một số vấn đề văn bản học của SHCN***

Văn bản SHCN chỉ còn duy nhất một bản viết hiện đang được lưu trữ tại Viện Nghiên cứu Hán Nôm, với ký hiệu A.1634, kích thước 17x11cm, gồm 80 trang, dạng thức viết tay.

Tại trang bìa, ngay chính giữa trang bìa đề 4 chữ lớn Sơ học chỉ nam 初學指南. Cột bên phải đề Nguyễn Thám hoa chính bản 阮探花正本 (Bản chính của Thám hoa họ Nguyễn). Cột bên trái thụt xuống ngang với chữ chỉ nam chính giữa đề Phúc Giang thư viện tàng bản 福江書院藏板 (Ván in giữ tại Thư viện Phúc Giang). Thông tin này cho chúng ta biết bản bản ván in sách này được tàng trữ tại Thư viện Phúc Giang, điều đó có nghĩa là sách phải có bản in. Thế nhưng, văn bản mà hiện nay chúng ta có được đang tàng trữ tại Viện Nghiên cứu Hán Nôm lại là bản chép tay. Thông qua khảo sát kỹ văn bản, chúng tôi thấy ở tờ 28 có đóng dấu hình elip của Viện Viễn đông Bác cổ (École francaise d'Extrême-Orient). Điều này chứng tỏ rất có thể văn bản này đã được Viện Viễn đông Bác cổ sao chép lại từ bản khắc in.

Tiếp theo, tại tờ 2a có vẽ hình người thầy ngồi trên ghế, bên dưới là một con chó (hay con thỏ), bên trên vẽ hình sao Văn tinh - tượng trưng cho việc học và khoa bảng, dưới đề 4 câu viết theo thể Triện thư: 紫 岳 降 神 丕 著 氣 師,道 統 之 傳，具 体 而 微。 從 子 書\ Tử nhạc giáng thần, Phi trứ khí sư, Đạo thống chi truyền, Cụ thể nhi vi. Tòng tử thư. \Thần từ núi giáng xuống, Bậc thầy có khí lượng lớn lao rực rỡ, Truyền giữ được đạo thống, Cụ thể rõ ràng mà tinh vi. Con của người anh viết. Tiếp theo, tại tờ 2b chép một bài Tiểu tán: 竅 存 太 極 畫 演 先 天, 顯 諸 藏 諸 密 之 又 密。 癸 巳 年 八 月 辛 丑 月 食 夜， 迪 教 張 順 齋 敬 書 于 持 敬 軒. Khiếu tồn Thái cực họa diễn tiên thiên, Hiển chư tàng chư mật chi hựu mật. Quý Tị niên, bát nguyệt, Tân Sửu nguyệt thực dạ, Địch giáo Trương Thuận Trai kính thư vu Trì Kính hiên.\Nắm giữ then chốt của Thái cực để vạch tả tiên thiên, Hiện rõ mà mầu nhiệm, kín đáo mà lại thêm tinh vi. Đêm nguyệt thực, ngày Tân Sửu, tháng 8, năm Quý Tị (1773). Địch giáo Trương Thuận Trai 張順齋 kính cẩn viết tại hiên Trì Kính. Tuy chưa thể xác định được Trương Thuận Trai là nhân vật nào, nhưng thông tin trên đây cũng cho chúng ta biết được rằng, năm 1773 (Quý Tị), thì muộn nhất, SHCN cũng đã được biên soạn.

Tại tờ 3a-3b có chép bài Tự thuyết [nói rõ đầu mối] với nội dung như sau:

九仞之山始於一簣

千里之途始於一蹴

壯而行者幼之學也，不可以無是書。

Cửu nhận chi sơn, thủy ư nhất quỹ,

Thiên lý chi đồ, thủy ư nhất xúc.

Tráng nhi hành giả, ấu chi học dã, bất khả dĩ vô thị thư.

Đắp núi cao chín nhận, khởi đầu từ một sọt đất.

Đi đường xa nghìn dặm, khởi đầu từ một bước chân.

Người khi trưởng thành mà mong làm được việc thì khi bé phải lo học vậy. Không thể không đọc sách này.

Thời: Ngày rằm, năm Quý Tị niên hiệu Cảnh Hưng, Bách Lão Nhân 百老人 đề.

Nội dung bài tự thuyết dẫn 2 câu thành ngữ quen thuộc của người học trò khi bước vào cửa Khổng sân Trình, nhắc nhở người mới học (sơ học) rằng “muốn đắp được núi cao thì cần phải cố gắng từ những sọt đất ban đầu, muốn đi đường xa nghìn dặm, thì phải khởi đầu từ một bước chân”. Điều đó có nghĩa rằng, người học muốn đạt được những thành tựu về sau thì ngay từ ban đầu cần phải cố gắng từ những điều nhỏ nhất, căn bản nhất, hoàn toàn phù hợp với tinh thần của sách SHCN.

Tiếp theo, từ tờ 4a đến tờ 8a có vẽ 5 bức tranh và 4 bài thơ đi kèm. Đó là những tranh vẽ cảnh vinh quy bái tổ, cảnh thuyền đi sứ trở về, cảnh thầy đồ dạy trẻ, cảnh đọc sách, cảnh vâng chỉ về hưu. Nội dung từ những tranh vẽ và các bài thơ đi kèm đã cho người đọc ít nhiều cảm nhận được bối cảnh học tập, vinh dự khi thi đỗ, làm quan. Tác giả Nguyễn Thanh Tùng cho biết, những bài thơ từ tờ 4a đến tờ 8a đều là do Nguyễn Huy Oánh sáng tác, bởi các bài thơ có tính tự thuật rất cao, tương đồng với một số bài thơ cùng đề tài của Nguyễn Huy Oánh được chép trong Thạc Đình di cảo, Phụng sứ Yên Đài tổng ca... Cách viết thơ ở đây khá phù hợp với phong cách thơ của Nguyễn Huy Oánh. Như vậy, Nguyễn Huy Tự chỉ là người viết chữ và vẽ tranh minh họa, còn các bài thơ phần lớn là của chính Nguyễn Huy Oánh.

Những thông tin về văn bản trên đây đã cho chúng ta biết được rằng người biên soạn, biên tập SHCN chính là Nguyễn Huy Oánh với sự “cộng tác” của Nguyễn Huy Tự và người cháu “tòng tử thư”. Về niên đại, sách được biên soạn hoàn thành muộn nhất là vào năm Quý Tị niên hiệu Cảnh Hưng thứ 34 (1773).

***2.2. Một số nội dung cơ bản và giá trị của “Sơ học chỉ nam”***

Khảo sát toàn bộ nội dung sách SHCN, cho thấy sách đã cung cấp nhiều nội dung căn bản dành cho người mới học. Ngoài một số thông tin về những ngày lễ, hướng dẫn chọn ngày tốt nhập học, ngày sinh của Khổng Tử, các tuổi kị khắc hợp từng năm theo quan niệm thời xưa, thì sách còn cung cấp nhiều nội dung giá trị về giáo dục ngữ văn dành cho người mới học thời phong kiến, dưới đây chúng tôi sẽ lần lượt trình bày những nội dung nêu trên của sách SHCN.

*2.2.1. Những nghi thức căn bản*

a. Nghi thức nhập học:

Từ trước đến nay, khá nhiều thư tịch viết về chế độ giáo dục khoa cử Nho giáo truyền thống của Việt Nam, nhưng ít có tài liệu nào cho biết về nghi thức nhập học, nghi thức hành lễ của học trò xưa là như thế nào. Nhưng trong SHCN, những nghi thức truyền thống và căn bản của học trò đã được truyền dạy từ rất sớm:

“Phàm [học trò] nhập Tiểu học thì phải kén chọn ngày giờ tốt, chuẩn bị trước một ngày, trai giới, sắp đặt một chiếc bàn ở ngay chính giữa (đặt bài vị Tiên sư Khổng Tử), hai chiếc bàn hai bên (đặt bài vị Tứ phối ). Đặt một chiếc bàn ở án phía Đông (thờ Tiên sư). Đặt một hương án ở chính giữa (để đặt chúc bản và đèn, nến). Trước án đặt một chiếc bàn thấp (trên đó đặt một tấm bảng gỗ (dài 6 tấc, rộng 4 tấc 5 phân, quét vôi trắng). Túi gấm, dài 3 thước 4 tấc. Bút mới 5 cặp, giấy vàng 5 tờ, đá đỏ 5 hòn, bát đất 2 chiếc, chén sạch 2 chiếc, 3 cái ống, nước một bình, gương nhỏ 1 chiếc, dao nhỏ 1 chiếc, đèn nhỏ 1 bộ. Bên trái đặt một bộ chậu rửa (một chiếc khăn tay dài 1 thước 5 tấc). Người sang thì thêm con vật cúng và tiền. Nghi lễ thường dùng là một con gà trống, cá chép 4 con, 6 mâm xôi đầy, rượu, quả, vàng bạc, trầu, thịt ức một miếng (bên bàn thờ Tiên sư) đèn, nến 4 cặp, chén đựng rượu 10 cái”.

b. Nghi thức hành lễ:

“Tự vị [Đứng theo thứ tự] (Chủ tế đứng trước, con trẻ đứng liền sau).

Nghênh thánh cúc cung bái [cúi lạy] (lạy 4 lạy).

Bình thân [Đứng ngay thẳng].

Nghệ hương án tiền [Tới trước hương án].

Quỵ [Quỳ xuống].

Chúc vân [Khấn rằng].

An Nam quốc, mỗ phủ huyện xã, thần Nguyễn mỗ, nay có con đẻ (hoặc cháu, hoặc học trò) sinh năm (đọc năm sinh theo can chi). Nay chọn được ngày tốt, nguyện được vào tiểu học ( ), thụ nghiệp ở bậc Tiên thánh Tiên sư. Cúi trông xét soi.

Phủ phục [Cúi lạy].

Hưng [Đứng lên].

Bình thân [Đứng ngay thẳng].

Thiểu khước [Lùi lại].

Quỵ [Quỳ].

Tuyên chúc [Tuyên đọc văn tế].

Duy Hoàng hiệu tuế thứ (can chi), tháng (can chi), tới ngày (can chi), mỗ phủ huyện xã. Tế chủ (tên chủ tế, nêu đầy đủ chức quan) Nguyễn mỗ, nay vì có con là mỗ, mới nhập tiểu học, kính cẩn đem mỗ vật xin được kính cáo trước thần vị Chí Thánh Tiên sư Khổng Tử.

Kính nghĩ:

Vương xa noi đạo vua Nghiêu vua Thuấn, hiến chương văn võ, san định Lục kinh, lưu truyền muôn thuở. Nay dạy bảo con trẻ kính cẩn dâng lên lễ mọn, những mong xét soi tấc thành, khéo léo dẫn dụ, học tiến dần dần, từng bước đi lên, thông muôn vạn quyển, khoa mục nhiều phen, nối truyền đạo thống, giữ gìn tư văn.

Cúi lạy:

Duyện Quốc Phục Thánh Công兗國復聖公: Nhan Tử,

Thành Quốc Tông Thánh Công 郕國宗聖公: Tăng Tử,

Nghi Quốc Thuật Thánh Công沂國述聖公: Tử Tư,

Chu Quốc Á Thánh Công 邾國亞聖公: Mạnh Tử,

Phối hưởng!

Phủ phục [cúi lạy].

Hưng, bình thân [đứng lên, đứng ngay thẳng].

Hành á hiến lễ [Dâng rượu tuần thứ hai]

Quỵ [quỳ].

Hiến tước [dâng chén rót rượu] (các vị phân hiến).

Phủ phục [cúi lạy].

Hưng, bình thân [đứng lên, đứng ngay thẳng].

Phục vị [trở lại vị trí ban đầu].

Quán tẩy [rửa tay].

Nghệ trác tử sở [đi tới trước bàn] (đứng ngoảnh mặt về hướng tây, lấy con dao nhỏ cắt giấy vàng rồi vẽ bùa), lấy bút son viết, hun cho tỏa khói thơm, rồi khấn rằng:

“Thái Thượng thụ phù tiến bình truyền tập ngũ tạng khai minh văn nhất tri thập” (Thái Thượng trao bùa, dắt dẫn truyền tập, lòng dạ sáng láng, nghe một biết mười).

Khấn xong thì vẽ bùa như sau: (Hình bùa).

Vẽ xong, lấy 3 cái chén sạch rót đầy nước vào, rồi lấy gương ngâm vào trong nước (người sang thì dùng minh châu), đốt 3 đạo bùa, rồi đem bỏ vào chén nước quấy lên, sau đó đưa cho con trẻ uống. Rồi khấn: “Thái Thượng thụ phù tiến bình truyền tập ngũ nội khai minh văn nhất tri thập” (Thái Thượng trao bùa, dắt dẫn truyền tập, ngũ nội sáng láng, nghe một biết mười).

Rồi lại lấy hai con ngươi mắt cá chép trao cho con trẻ, khấn rằng:

“Danh tử của bậc Chí Thánh là Bá Ngư, nuốt hai mắt này, thông minh trời ban”.

Rồi lại trao chu sa (đá đỏ) cho con trẻ mài, khấn rằng:

“Tinh của thái dương rơi xuống ẩn tàng dưới đất, mày nên mài nó để trau dồi văn chương tài đức ”.

Rồi lấy bút son viết lên tấm bảng.

Thượng đại nhân Thánh Ất Kỷ 上大人聖乙己(đề bên cạnh ngày, tháng nhập trường. Rồi sau đó viết lên tấm ván: Thiên tích thông minh, thánh phù công dụng: Trời cho thông sáng, Thánh giúp công dụng.)

Lấy túi lụa, dài 3 thước 4 tấc, đem bọc tấm bảng lại, trao cho con trẻ, khấn rằng: “Tinh của sao Mộc, sáng ở phương Đông, để viết văn tự, ngươi hãy tập thành”.

Con trẻ bưng nhận lấy, để lên ngang đầu, rồi đứng dậy đặt lên trên bàn, sau đó lùi lại một chút mà bái tạ:

Tiên Thánh: Lạy tạ 4 lạy. Bái xong trao lại tấm bảng gỗ cho tiên sinh rồi lạy 4 lạy.

Sau đó lại lấy bút trao cho con trẻ, khấn rằng:

“Bởi rằng! Hoàng Đế tạo ra, Mông Điềm làm ra, ngươi nên phỏng theo, để trau văn đức”.

Sau đó lại lấy đầu gà trao cho con trẻ, khấn rằng:

“Gà có năm đức, hãy chọn lấy điều tín, giờ Sửu nghe tiếng [gà gáy] thì dậy, học mà biết được điều mình học”.

Việc xong thì dẫn con trẻ lạy tạ xin thần.

Cúc cung bái [cúi lạy] (lạy 4 lạy).

Hưng, bình thân (đứng lên, đứng thẳng).

Phần chúc (Hóa văn tế).

Lễ tất (lễ xong).

(Cơm dư cấm hết phụ nữ không được ăn)”.

*2.2.2. Phương pháp học chữ và cách thức đặt câu, hành văn*

Phương pháp cho người mới học, ắt phải chọn học vần tiếng, câu ngắn, thanh âm hòa hợp, đó là vì để cho việc tụng đọc được dễ, hầu khiến cho con trẻ tập quen.

Việc văn chương nên phải được ba điều dễ: Dễ thấy việc là thứ nhất. Dễ biết chữ là thứ hai. Dễ ngâm đọc là thứ ba. Nếu khiến thay đổi, thì trẻ nhỏ học chữ phải lưu lại được ít, chứ không thể thay đổi hết, nên tùy theo ý muốn của con trẻ, xong tựu trung việc tăng giảm phải khéo như Thái Tông.

Viết chữ không được tiếc giấy, nên phải khiến viết chữ to, nếu viết chữ nhỏ thì bị gò bó, cổ tay đã quen, sau này lớn lên muốn viết chữ to lại thành ra khó.

Làm thơ trước tiên phải chú trọng niêm luật, bằng trắc. Dẫu khéo đặt câu đấy nhưng vẫn không hợp cách thức.

Trong bài thơ, chữ thứ nhất, chữ thứ ba, chữ thứ năm, hoặc đương bằng mà dùng trắc thì cũng có thể được. Hoặc đương dùng trắc mà dùng bằng thì cũng có thể được. Duy chữ thứ hai, chữ thứ tư, và chữ thứ sáu thì không được thay đổi, lẫn nhầm.

Phép làm thơ có 4 điều, đó là: Câu, chữ, phép, cách. Có 10 thứ, đó là: Ý, thú, thần, tình, khí, lý, lực, cảnh, vật và sự. Hoặc trên ba dưới bốn, như “鳳凰樂奏鈞天曲，烏鵲橋通織女河 (Phượng hoàng nhạc tấu Quân Thiên khúc, Ô thước kiều thông Chức Nữ hà)”, hoặc trên bốn dưới ba, như “金馬朝回門似水，碧雞天遠路如年 (Kim mã triêu hồi môn tự thủy, Bích kê thiên viễn lộ như niên)”, hoặc trên hai dưới năm, như “不貪夜識金銀氣，遠害朝看麋鹿游。(Bất tham dạ thức kim ngân khí, Viễn hại triêu khan mi lộc du)”. Hoặc trên năm dưới hai, như “中天月色好誰春 (Trung thiên nguyệt sắc hảo thùy xuân)”, hoặc trên sáu dưới một, như “嫩綠誰嘉柳眼開 (Nộn lục thùy gia liễu nhãn khai)”.

Lại như phép đè chữ 拗字法, như: “寒林月落烏巢出，古渡風高漁艇希 (Hàn lâm nguyệt lạc ô sào xuất, cổ độ phong cao ngư đĩnh hi)”.

Lại như phép đè câu vang chữ 拗句響字, như: “返照入江翻石壁， 歸雲擁樹失山蒼” (Phản chiếu nhập giang phiên thạch bích, quy vân ủng thụ thất sơn thương: Ánh chiều tà chiếu trên sông như vách đá đổ xuống, mây bay che lấp rừng cây không thấy cả núi xanh).

Lại như phép đè câu đổi chữ 拗句換字 (Ảo cú hoán tự), như: “外江三峽且相接，斗酒新詩終日疏” (Ngoại Giang tam hiệp thả tương tiếp, đấu tửu tân thi chung nhật sơ).

Lại như phép “mẹ con học câu” 子母學句 (Tử mẫu học cú), như: “更漏有無風順逆，紙窻明暗月高低” (Cánh lậu hữu vô phong thuận nghịch, chỉ song minh ám nguyệt cao đê).

Hay như phép “luyện chữ trong thơ” 詩中練字 (Thi trung luyện tự), như: “秋後見飛千里雁，月中聞搗萬家衣” (Thu hậu kiến phi thiên lý nhạn, nguyệt trung văn đảo vạn gia y).

*2.2.3. Những tri thức cơ bản về chính trị, tư tưởng, triết học và luân lý dành cho người học*

Không chỉ trình bày những nghi thức căn bản, các nghi thức sơ cấp của người học trò xưa, mà sách SHCN còn cung cấp những tri thức cơ bản trên các phương diện chính trị, tư tưởng, triết học và luân lý dành cho người mới học như sau:

- Đế vương (Đạo của bậc đế vương): Những chuyện xưa cũ chẳng phải là không thể không kê cứu được, mà việc khảo xét văn hiến thì tất phải xét ở từng đời đế vương.

- Chính yếu (Những việc quan trọng về chính sự): Chính sự đặt ra pháp độ khuôn phép trăm điều thì ắt phải lập ra những điều chính yếu trước khi pháp độ chưa được thi hành.

- Quan thường 官常 [Quan chế]: Bậc vua thánh minh làm sáng mệnh trời, trước nhất bởi các quan Nhạc mục rồi đến chức Phong quan, nghiêm khắc đôn đốc coi sóc chính sự thì có các chức trọng Công Cô. Ai mà thường ngày thực hiện được ba đức, làm sáng được nhà mình, thì trăm quan đều bắt chước theo điều tốt đẹp.

- Dụng nhân 用人 [Dùng người]: Dùng người làm quan chỉ kén chọn người đức hạnh, việc nêu khen tuyên dương không thể không công bằng. Cân nhắc tài đức mà sắp định chức vị, việc tuyển chọn không thể không thận trọng, cho nên rất coi trọng ở việc ba năm thăng chuyển của quan Tư mã. Những người ở nơi xa xôi có thể dẫn dắt cất nhắc họ, bất tất phải câu nệ vào lệ đời đời làm quan đời đời hưởng lộc.

- Cung hành 躬行 [Tự thân thực hành]: Từ xưa đến nay, cơ nghiệp của bậc thánh hiền đều yêu cầu đầy đủ nơi một thân mình, chứ nào dám đem việc xét lại mình chưa được bằng người mà nhún nhường trước người đời cổ để đợi chờ người khác ở tương lai. Chỗ quy kết của đạo lý đất trời, thảy đều ở chỗ giữ yên được đạo trung chính tốt lành, sao có thể cho rằng sự chứa xét bên trong được rộng rãi mà phụ đời người để tủi thẹn cả khi thức khi ngủ.

Tụng đức 頌德 [Ca tụng công đức]: Càn tượng cho nguyên khí căn bản của trời, cho quốc thái dân an, ngưng tụ mệnh lệnh, gây dựng nên chuẩn tắc chính trực để bình định thiên hạ. Cảnh tượng tươi sáng, mưa móc đúng thời cùng hòa hợp với điềm tốt lành, nên quy tụ được mưu lược của bậc thánh thần văn võ.

Những tri thức cơ bản về chính trị, tư tưởng, triết học và luân lý dành cho người mới học như trên đây hẳn do Nguyễn Huy Oánh tập hợp, biên soạn để làm tài liệu học tập cho học trò, và cũng là những tài liệu mang tính chất giảng dạy, giáo huấn rất căn bản cho người sơ học. Nội dung phần này, ngoài ý nghĩa về mặt lịch sử giáo dục, còn có ý nghĩa trong việc nghiên cứu lịch sử tư tưởng của Việt Nam thời trung đại.

*2.2.4. Từ học chỉ nam 詞學指南 - Tri thức ngữ văn cơ bản dành cho người mới học*

- Châm 箴: Lời châm dùng từ có vần điệu, mang ý nghĩa răn bảo, quý ở chỗ mang ý nghĩa cảnh giới, can ngăn. Cuối bài có từ “cảm cáo”.

- Minh 銘: Cũng dùng văn vần, có ý ca ngợi tán dương công đức của tiền nhân. Đối với người có công lao lẫm liệt thì dùng lời mang ý răn giới. Để tỏ sự thương tiếc sự vật thì quý ở chỗ lời giản ước, rõ ràng mà mới mẻ.

- Tán tụng 贊頌: Cũng đều dùng lời mới, thể thức gần giống nhau. Tán là khen ngợi, tán dương. Tụng là hình dung công đức rồi ca ngợi tán tụng. Tụng so với tán thì quý ở chỗ lời lẽ dồi dào điển lệ mà to lớn. Dùng sự tạo lời thì rất kỵ sự phàm tục (Phàm thể tứ ngôn thì lời văn phải phô trương, khích lệ, có ý ung dung thư thái, mà lại có tư thế như cúi ngửa, dập lạy, gập mình, đứng lên, được như vậy mới là hay).

- Ký 記: Ký là thể văn để ghi chép sự việc. Thể ký xen lẫn từng đoạn từng thuyết, có khi lại phân ra thành hai tiết. Trước tiên đem trình bày đầu mối sự việc rõ ràng, rồi sau mới ghi chép sự việc. Cuối bài có đề “thần cẩn ký” (thần kính cẩn ghi chép). Thể ký muốn ngôn từ được dồi dào phong phú nhưng không được quá dài, cũng không được quá thông tục, không được dùng nhiều chữ khó, sự việc phần nhiều quý ở chỗ khéo léo. Việc cắt xét gọt rũa không được như vậy thì khiến cho văn thể rườm rà, tản mạn. Sự việc ít thì quý ở chỗ giãi bày, nếu không được như thế thì khiến văn thể khô khan, cằn cỗi. Như vậy khiến cho kẻ hiếu kỳ hoặc vì chấm câu, ngắn đoạn phân chương làm cho văn mạch không thông. Hoặc có kẻ mượn lời răn dạy thật hiếm thấy của cổ nhân, đem nhét vào một bị để đàm đạo, tranh biện, văn chương như vậy quả là thô lậu.

- Tự 序 (tựa): Tựa sở dĩ làm ra là vì để trình bày sách vở điển tịch. Nếu đầu đề chỉ nói sơ lược thì vào đề phải nói rõ (cũng có khi lời tựa đặt ở cuối quyển, cũng có khi đặt ở đầu quyển). Cuối lời tựa thì đề “thần cẩn tự” (thần kính cẩn viết lời tựa).

Văn tự xem từ đầu đến cuối mà có chỗ không hiểu, cần phải nhờ vào người khác chỉ ra, cho nên phải bàn luận với họ, để không phải hối hận về sau.

Phải nhớ rằng, tình là sợi dây đan dọc của bài văn, ngôn từ là sợi dây đan ngang của mạch văn.

- Lộ bố văn 露布文: Mở đầu nói ý lớn (thần nghe rằng, kính nghĩ tôn hiệu (niên hiệu đời vua), nói rõ tội giặc, lũ thần đều cùng giãi bày. Cuối bài dùng câu đối để kết luận). Lời văn thì dùng lời tạo sự phấn phát, hùng tráng, ít sự hoa mỹ mà không gây phương hại gì. (Trong lời văn, nếu là bốn câu thì chữ không được giống nhau, chẳng hạn như hai câu trên dùng chữ “chi” (之) thì hai câu dưới dùng chữ “nhi” (而), chữ “dĩ” (以) cũng được).

- Hịch 檄: Là văn thư trong quân (Mở đầu viết “cái văn” (từng nghe), cuối cùng viết “hịch đưa đến, như thư từ không thể nói hết ý). Lời hịch quý ở chỗ phô bày sự lợi hại, gây cảm động lòng người, để cuối cùng chọn lấy điều họa phúc mà kết luận.

- Tập cú 集句: Bậc thánh thần dưỡng chứa thi hành rộng rãi điều nhân, khiến các loài đều được hưởng cảnh yên vui thái bình. Tháng chín trao áo, mau mau cày bừa, lệnh ban bố trước. Trăm quan vâng phép, tắm gội ơn trên, mệnh lệnh ban xuống.

- Thể biểu 表体 [Biểu thể]: Thể biểu là để bề tôi chúc tụng các bề tôi, kẻ bề tôi chúc tụng thiên hạ thái bình.

- Thể phú 賦体 [Phú thể]: Vần bằng 4 liên, vần trắc 4 liên, không được trùng vần.

**3. Giá trị của Sơ học chỉ nam trong hệ thống tài liệu giảng dạy ngữ văn sơ học thời Trung đại**

Qua những nội dung đã trình bày trên đây, chúng ta thấy rằng Sơ học chỉ nam là một tài liệu quý hiếm, có thể được xem là sớm nhất (cho đến thời điểm hiện tại dựa trên tư liệu hiện có) viết về việc học của lứa tuổi nhi đồng và thiếu niên. Sách cho thấy một phần tiến trình, cách thức giảng dạy chữ Hán và tri thức Nho học trong nhà trường tư nhân (cụ thể ở đây là trường học và thư viện Phúc Giang) ở thế kỷ XVIII.

Trong hệ thống những tài liệu giảng dạy tri thức ngữ văn sơ học thời Trung đại mà chúng ta hiện biết, có khá nhiều tài liệu được biên soạn, biên tập, diễn Nôm để phục vụ cho mục đích làm tài liệu giảng dạy và học tập cho người mới học, có thể kể đến như: Tam thiên tự (do Vương Ứng Lân đời Tống soạn để dạy trẻ trong nhà, nhưng về sau nhiều người thấy hay mới đem phổ biến dùng làm sách “huấn mông” (dạy trẻ vỡ lòng) và cũng được du nhập vào Việt Nam từ khá sớm, Tự học toản yếu (của Ngô Thì Nhậm), Ấu học Hán tự tân thư (sách giáo khoa soạn cho lớp đồng ấu, viết bằng chữ Hán), Ấu học ngũ ngôn thi (Phúc Văn Đường in năm Tự Đức 16 (1863), Sách dạy trẻ em các tri thức phổ thông về con người và giới tự nhiên, phần chính văn bằng chữ Hán, gồm những câu 5 chữ, có vần. Chú thích soạn bằng chữ Nôm), Ấu học văn thức (In năm Duy Tân thứ 9 - 1915, sách dạy chữ Hán cho trẻ em: cách tập viết, chọn chữ, luyện câu, vấn đáp...), Ấu học đối liên tập (Chép năm Tự Đức 32 - 1879, sách dạy trẻ em làm câu đối thơ, câu đối phú; các đoạn văn sách; thơ, phú... Câu đối mẫu cho từng loại), v.v... Dẫu vậy, những tài liệu như vừa liệt kê trên đây, không có tài liệu này có nội dung toàn diện và đầy đủ như Sơ học chỉ nam trong việc giảng dạy những tri thức căn bản về ngữ văn cổ điển dành cho người mới học. Điều này hẳn là do tác giả của bộ sách - Thám hoa Nguyễn Huy Oánh, người đã sinh ra và trưởng thành trong một gia tộc có truyền thống giáo dục Nho học, bản thân ông là người đỗ đạt, làm thầy giáo, trước tác nhiều, đồng thời còn sở hữu một thư viện tư nhân được xem là lớn nhất thời bấy giờ ở xứ Nghệ nói riêng và trong cả nước nói chung. Từ kinh nghiệm thực tiễn bản thân, nhu cầu của xã hội, điều kiện của dòng tộc, Nguyễn Huy Oánh đã biên soạn một bộ sách rất giá trị trong hệ thống tư liệu giảng dạy tri thức ngữ văn thời Trung đại.

**Tài liệu tham khảo**

1. Thế Anh (1997), “Sách học chữ Hán cho học sinh nhỏ tuổi ngày xưa”, Tạp chí Hán Nôm, số 1/1997.

2. Phạm Văn Ánh (2015), “Lược khảo về các bản ván gỗ hiện lưu tại gia tộc họ Nguyễn Huy - Trường Lưu”, Kỷ yếu Hội thảo Nghiên cứu bảo tồn mộc bản Trường Lưu, Viện Nghiên cứu Hán Nôm - Sở VHTT&DL Hà Tĩnh, tr.119-136.

3. Nguyễn Tuấn Cường, Nguyễn Tú Mai (2020), Tam tự kinh với giáo dục tiểu học Hán văn, Nxb KHXH, Hà Nội.

4. Nguyễn Thị Hường (2013), Nghiên cứu sách dạy Lịch sử Việt Nam viết bằng chữ Hán và chữ Nôm, Nxb Thế giới, Hà Nội.

5. Trần Nghĩa, Francoise Gros (1993), Di sản Hán Nôm thư mục đề yếu, 3 tập, Nxb KHXH, Hà Nội.

6. Nguyễn Huy Oánh (1773), Sơ học chỉ nam, ký hiệu A.1634, Viện Nghiên cứu Hán Nôm.

7. Nguyễn Thanh Tùng (2019), “Sơ học chỉ nam một cuốn sách hướng dẫn học tập cho trẻ em ở Việt Nam thế kỷ XVIII”, in trong Sơ học chỉ nam, Trần Mạnh Cường, Hoàng Ngọc Cương dịch, Nxb Đại học Vinh, Vinh, tr.143-158.